

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2018
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Th phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Lại

2. Bà Võ Thị Mơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2018/HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B - có mặt

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - có mặt

Địa chỉ: Thôn Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị B và anh T kết hôn vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đ1(nay là xã T, huyện Đ, tỉnh Đ). Việc đăng ký kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Lý do chị B làm đơn xin ly hôn với anh T là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh T thường xuyên đánh đập chị, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm dành cho anh T không còn.

Trong quá trình chung sống chị B và anh T có 03 con chung là các cháu: Nguyễn Văn H, sinh ngày 12/02/1999; cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 20/10/2000; cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 07/01/2010.

Nay chị B đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị B cho rằng các cháu Th và cháu T ở với bố hay mẹ sẽ do các cháu lựa chọn, còn cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu giải quyết.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T thừa nhận việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như chị B trình bày. Trong quá trình chung sống anh chị thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn, anh T có đánh đập chị B thường xuyên như chị B trình bày nhưng lý do đánh đập là do chị B bướng bỉnh, ăn nói hỗn láo. Anh T cũng không còn tình cảm với chị B nhưng muốn hai vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết xong về tài sản, nợ nần thì mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu ly hôn thì anh T yêu cầu các cháu Th và cháu T ở với bố hay mẹ sẽ do các cháu lựa chọn, còn cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn. Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 20/10/2000; cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 07/01/2010 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Giấy đăng ký kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con; sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân (bản chứng thực) đây là tình tiết, sự kiện các bên đương sự đã thống nhất nên không phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B khởi kiện anh Nguyễn Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đ nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian đầu chung sống anh chị hạnh phúc, cuộc sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh T thường xuyên đánh đập chị B. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị B và anh T có 03 con chung là các cháu: Nguyễn Văn H, sinh ngày 12/02/1999; cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 20/10/2000 và cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 07/01/2010.

Nguyện vọng của chị B và anh T là cháu Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị Mỹ T ở với ai sẽ theo nguyện vọng của các cháu. Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Th và cháu T thì các cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ vì cho rằng mẹ quan T và yêu thương các cháu hơn. Tại phiên tòa chị B và anh T cũng thống nhất với nhau về việc giao cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 20/10/2000; cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 07/01/2010 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của các bên là phù hợp nên cần chấp nhận. Đối với cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 12/02/1999 đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo đơn khởi kiện chị B yêu cầu được nuôi 03 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng 3.000.000đ/3 cháu/tháng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị B rút yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng và không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song về nội dung vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 20/10/2000 và cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 07/01/2010 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Trong trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì chị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị B đã nộp theo biên lai số 0001893 ngày 26/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- STP tỉnh Đăk Nông;
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Song;
- Chi cục THA huyện Đăk Song;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu